

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH HÀ TĨNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 18/2019/HS-PT

Ngày: 25/01/2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HÀ TĨNH

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Văn Lam

Các Thẩm phán: Ông Bùi Đình Thông

Bà Nguyễn Thị Thương Huyền

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Toàn - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Tĩnh tham gia phiên tòa: Ông Lê Quang Phiệt - Kiểm sát viên

Ngày 25 tháng 01 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 152/2018/HS-PT ngày 19 tháng 12 năm 2018 đối với bị cáo Nguyễn Hồng T và đồng phạm do có kháng cáo của các bị cáo đối với bản án hình sự sơ thẩm số: 67/2018/HS-ST ngày 12/11/2018 của Tòa án nhân dân thành phố H, tỉnh Hà Tĩnh.

Các bị cáo có kháng cáo:

1. Nguyễn Hồng T, sinh ngày: 09/6/1981 tại thị trấn B, huyện V, tỉnh Bắc Giang; nơi cư trú: xóm D, thị trấn B, huyện V, tỉnh Bắc Giang; nghề nghiệp: giáo viên dạy lái xe; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Nguyễn Hồng T và bà Vũ Thị M; vợ: Nguyễn Thị Thu H, con: 01 con; tiền án, tiền sự: không; nhân thân: ngày 18/6/2013 bị TAND huyện H, tỉnh Bắc Giang xử phạt 06 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 12 tháng về tội “Đánh bạc” theo Bản án số 46/HSST (đã chấp hành xong hình phạt); bị cáo bị tạm giam từ ngày 08/4/2018 đến nay; có mặt tại phiên tòa.

2. Phạm Thị Thu H, sinh ngày: 15/4/1972 tại huyện T1, thành phố Hà Nội; nơi cư trú: xóm V, xã V1, huyện T1, Hà Nội; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Phạm Văn T và bà Hoàng Thị T; chồng: Kiều Quang T; con: 02

con; tiền án, tiền sự: không; bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú” từ ngày 08/4/2018 đến nay; có mặt tại phiên tòa.

Các bị cáo không kháng cáo: Đỗ Văn Q, Ngô Văn T, Phạm Thị H.

Những người bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan không liên quan đến kháng cáo của các bị cáo nên Tòa án không triệu tập.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng đầu tháng 03/2018, trong một lần Nguyễn Hồng T và Phạm Thị Thu H gặp gỡ, Nguyễn Hồng T có nói chuyện về việc có khả năng “thối số”, tức là sửa các số lô đề đã ghi trên tờ giấy hay còn gọi là “tích kê” từ không trúng thưởng thành số trúng thưởng để chiếm đoạt tiền của người ghi lô đề tư. Sau khi nghe T nói thì H và T rủ nhau vào các tỉnh Nghệ An, Hà Tĩnh chiếm đoạt tài sản bằng thủ đoạn “thối số”. T nói với H để “làm” được thì cần một người phụ nữ trực tiếp đến các điểm ghi lô, đề tư để đánh lô đề vì nếu đàn ông dễ làm người ghi nghi ngờ là công an, T sẽ làm kỹ thuật tức là lập bảng đánh đề và “thối số”, ngoài ra còn cần hai người nữa vào sau khi T đã “thối số” để lấy tiền chiếm đoạt. Nghe vậy, H tự nhận mình sẽ trực tiếp đi đánh lô đề. Lúc này, Đỗ Văn Q và Nguyễn Hữu V ngồi ăn cơm bàn bên cạnh nghe H và T bàn bạc nên xin tham gia cùng và tự nhận vai trò vào say lấy tiền chiếm đoạt. Tất cả thống nhất số tiền chiếm đoạt sau khi trừ tiền bỏ ra đánh sẽ chia cho T 20%, còn lại giao cho H sử dụng làm chi phí đi lại, ăn nghỉ còn lại bao nhiêu chia đều cho H, V, Q.

Trong khoảng thời gian từ ngày 30/3/2018 đến ngày 01/4/2018 tại thành phố H, Nguyễn Hồng T, Phạm Thị Thu H, Nguyễn Hữu V, Đỗ Văn Q, Ngô Văn T đã thực hiện các hành vi phạm tội cụ thể như sau:

Lần thứ nhất: khoảng 17 giờ 30 phút ngày 30/03/2018, Nguyễn Hồng T mang theo bút bi loại viết xong có thể xóa được và tờ bìa bao thuốc lá Thăng Long cùng với Phạm Thị Thu H và Ngô Văn T đón taxi đi tìm quán ăn và tìm người ghi lô đề thực hiện mục đích lừa đảo chiếm đoạt tài sản (riêng T3 không biết H và T đi tìm người đánh lô, đề). Khi đến quán thịt dê Hương Rừng ở xóm T, xã T, thành phố H, T và H nhìn thấy Phạm Thị H đang ngồi ghi lô, đề ở trước quán nên xuống xe. T3 đi vào trong quán đặt món ăn, Hà và T ở ngoài. H bảo T lập “tích kê”, T sử dụng bút bi loại có tẩy ở đầu trên của bút viết xong có thể xóa được để viết các số lô, đề, xiên kèm theo tiền đánh vào tờ bìa bao thuốc lá Thăng Long đã chuẩn bị từ trước rồi đưa cho H. Tổng số tiền đánh là 4.780.000đ (gồm 930.000đ tiền đánh số đề, 3.250.000đ tiền đánh xiên, 30 điểm lô tương đương 600.000đ tiền đánh lô).

Sau khi đánh xong, H quay về khách sạn để đưa Nguyễn Hữu V và Đỗ Văn Q đến quán. Khoảng 18 giờ 45 phút cùng ngày thì đến quán, V và Q đứng cách

quán 200m, còn H vào trong quán, T lúc đó đã xem kết quả mở thưởng xổ số kiến thiết Miền bắc ngày 30/3/2018 nên T nói với H là số tiền trúng ít hơn số tiền đánh. H hiểu ý T là sẽ “thối số” nên gặp H nhận tiền trúng thưởng. Số tiền H, T và H đánh bạc là 6.330.000đ (gồm 4.780.000đ tiền đánh, 1.550.00đ tiền trúng thưởng).

Sau khi nhận tiền trúng thưởng, H nói với H đưa tờ “tích kê” cho H đối chiếu kết quả lại. Lợi dụng lúc H không để ý, H đưa lại tờ tích kê cho T, T nhanh chóng dùng đầu tẩy của bút đã chuẩn bị sẵn tẩy bay mực trên tờ “tích kê” và sửa tiền đánh của hai số xiên giảm 700.000đ và viết thêm một số xiên 4 gồm 04 cặp số có trúng thưởng 47-36-24-76 theo kết quả mở thưởng xổ số kiến thiết miền Bắc ngày 30/3/2018 với số tiền đánh là 700.000đ. Viết xong, T đưa tờ “tích kê” cho H, H hiểu là T đã “thối số” nên H gọi điện thoại cho V và Q đến rồi đưa tờ “tích kê” đã sửa cho V và Q ở lại so kết quả lấy tiền chiếm đoạt, còn H, T và T3 đón xe taxi về trước. V và Q biết tờ tích kê đã được T sửa từ trượt thành trúng nên đối chiếu kết quả nói với H trúng một dãy xiên 4 thắng với số tiền 70.000.000đ. Sau khi đối chiếu lại, H đưa cho V và Quyền 25.000.000đ rồi hẹn ngày mai đến lấy số còn lại. Do thống nhất từ trước là bị hại đưa bao nhiêu tiền sẽ chiếm đoạt bấy nhiêu nên V, Q thống nhất chỉ lấy 25.000.000đ rồi đi về đưa cho H. Số tiền 25.000.000đ chiếm đoạt được từ H trừ tiền bỏ ra đánh lô, đề thì chia cho T 5.000.000đ, số còn lại Hà chi phí ăn, ở đi lại của T, H, Q, V, T3 và chia cho Hà, V, Q và T3 mỗi người 1.500.000đ.

Lần thứ hai: khoảng 16 giờ 30 phút, ngày 31/3/2018, Phạm Thị Thu H nhìn thấy chị Đặng Thị Hồng V ghi lô, đề ở khu vực trước cổng Bệnh viện đa khoa tỉnh Hà Tĩnh nên đã gọi điện thoại bảo Nguyễn Hồng T lập “tích kê” để đánh lô đề. H cầm tờ bìa ghi lô, đề đánh cho chị V, H yêu cầu chị Vân ký xác nhận vào tờ bìa rồi đưa cho chị V giữ. Sau đó, H và T đón taxi về khách sạn, H nói cho Nguyễn Hữu V và Đỗ Văn Q biết địa điểm đánh là ở bệnh viện đa khoa tỉnh Hà Tĩnh để V và Q đến giờ mở thưởng, chủ động đi để lấy tiền chiếm đoạt. Đến khoảng 18 giờ 30 phút cùng ngày, sau khi xem kết quả mở thưởng xổ số kiến thiết miền bắc ngày 31/3/2018, T nhớ 04 cặp số có trúng thưởng rồi cùng H đón taxi đến cổng Bệnh viện Đa khoa tỉnh Hà Tĩnh gặp chị V xin lại tờ tích kê, chị V bảo không trúng, H yêu cầu chị V chép kết quả mở thưởng xổ số kiến thiết ngày 31/3/2018 vào một tờ giấy để H đối chiếu kết quả lại. Lợi dụng lúc chị V không để ý, H đưa tờ “tích kê” cho T, T nhanh chóng dùng đầu tẩy của bút đã chuẩn bị sẵn xóa và sửa số tiền đánh của các số tiền phía trên giảm 600.000đ và viết thêm một số xiên 4 gồm 04 cặp số có trúng thưởng với số tiền đánh là 600.000đ. Sửa xong T đưa tờ “tích kê” cho H, H đưa cho chị V đối chiếu lại thì trúng 01 số xiên 4 với số tiền 60.000.000đ. H gọi điện cho V và Q đến nhưng cả hai đi nhầm đường nên chưa đến được. Lúc này, T nói với H là có chị Ngô Thanh H (bạn gái T) đang mua sắm ở gần đó nên H gọi điện thoại cho chị H nhờ đến quán nước gần Bệnh viện để lấy giúp H tiền thắng lô, đề, chị H đồng ý. Sau đó, H lấy lại tờ “tích kê” từ chị V và nói với chị V tý nữa đưa tiền cho H rồi chỉ tay về phía quán

nước H đang ngồi. Sau đó, H cùng T đón xe taxi về trước. Chị V đưa cho chị H 20.000.000đ và hẹn số còn lại trả sau. Chị H cầm tiền về đưa tiền lại cho H, đến khoảng 21 giờ cùng ngày, H đưa tờ “tích kê” trên và điện thoại của H cho V và Q và chỉ số điện thoại của chị V. V và Q dùng điện thoại của H hẹn gặp chị V ở cổng Bệnh viện Đa khoa tỉnh Hà Tĩnh yêu cầu trả nốt số tiền còn lại. Chị V đưa cho V 10.000.000đ và xin không trả số tiền còn lại. V và Q nhận 10.000.000đ xong V xé tờ “tích kê” và đưa tiền về cho H. Sau đó chị V suy nghĩ lại đoán mình bị lừa nên đã trình báo sự việc lên cơ quan Công an. Số tiền 30.000.000đ chiếm đoạt được Hà trừ tiền bỏ ra đánh lô, đề thì chia cho T 4.000.000đ, số còn lại H trừ chi phí ăn, ở đi lại và chia cho V, Q và H mỗi người 1.500.000đ, H đưa cho Ngô Thanh H 1.500.00đ bảo cầm đồ xăng. Đối với tờ “tích kê” trên hiện không thu giữ được, các bị cáo và chị V đều không nhớ các số lô, đề đã đánh.

Lần thứ ba: chiều ngày 01/4/2018, Nguyễn Hồng T dùng bút bi loại có tẩy ở đầu bút viết xong có thể xóa được viết các lô, đề, xiên vào tờ bìa bao thuốc lá Thăng Long với số tiền đánh khoảng 3.000.000đ rồi đưa cho Phạm Thị Thu H. Khoảng 17 giờ cùng ngày, H cầm tờ “tích kê” cùng Ngô Văn T3 đón tắc xi đến gặp bà Nguyễn Thị N đang ngồi ghi lô, đề trên đường V, thành phố H. H cầm tờ “tích kê” mà T đưa đến đánh lô, đề, xiên cho chị N. Sau khi trả tiền, H yêu cầu chị N ký xác nhận và tờ “tích kê” rồi đưa tờ “tích kê” cho chị N giữ. Đến khoảng 18 giờ 45 phút cùng ngày, T, H và T3 đón xe taxi đến gặp chị N còn Nguyễn Hữu V và Đỗ Văn Q đi xe mô tô theo sau. Khi đến nơi, H, T và T3 vào còn V và Q đứng ở gần đó đợi. Tương tự như 02 lần trước, H lấy lại tờ tích kê và yêu cầu chị N chép lại kết quả mở thưởng xổ số kiến thiết miền B ngày 01/4/2018 ra giấy để đối chiếu kết quả. Lợi dụng lúc chị N đang chép kết quả mở thưởng, H đưa lại tờ tích kê cho T, T nhanh chóng dùng đầu tẩy của bút đã chuẩn bị sẵn xóa và sửa tiền đánh của các số xiên ở trên giảm 700.000đ và viết thêm 01 số xiên 4 gồm 04 cặp số có trùng thưởng với số tiền đánh là 700.000đ rồi đưa tờ tích kê cho H. H gọi điện thoại cho V và Q vào và đưa lại tờ tích kê mà T đã sửa từ trượt thành trúng cho V và Q đối chiếu kết quả với bà N trúng 01 con xiên 4, với số tiền 70.000.000đ. Bà N đưa cho V 50.000.000đ và viết giấy nợ 20.000.000đ đưa cho V. Số tiền 50.000.000đ chiếm đoạt được, V và Q thống nhất lúc về khách sạn nói với H chỉ chiếm đoạt được 30.000.000đ và còn 20.000.000đ V giữ để V và Q chia nhau. Sau khi V đưa cho H số tiền 30.000.000đ, H trừ tiền bỏ ra đánh lô, đề thì chia cho T 4.000.000đ, H trừ chi phí ăn, ở đi lại và chia cho H, V, Q và T3 mỗi người 1.500.000đ. Đến khoảng 23 giờ cùng ngày, bà N gọi điện thoại hẹn V và Q đến nhà lấy số tiền còn lại thì Q bị Công an mời về làm việc, tại Cơ quan điều tra Q đã khai nhận hành vi phạm tội của mình, còn V bỏ trốn mang theo số tiền 20.000.000đ đã chiếm đoạt của bà N. Đối với bản tích kê trên hiện không thu giữ được, các bị cáo và chị N đều không nhớ các số lô, đề đã đánh.

Với hành vi nêu trên tại bản án hình sự sơ thẩm số 67/2018/HSST ngày 12/11/2018 của TAND thành phố H, tỉnh Hà Tĩnh đã quyết định:

Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Hồng T, Phạm Thị Thu H phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và “Đánh bạc”; các bị cáo Đỗ Văn Q, Ngô Văn T3 phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”; bị cáo Phạm Thị H phạm tội “Đánh bạc”.

Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 174, khoản 1 Điều 321, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 17, Điều 58, điểm a khoản 1 Điều 55 BLHS xử phạt Nguyễn Hồng T 02 năm 06 tháng tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, 06 tháng tù về tội “Đánh bạc”. Tổng hợp hình phạt buộc Nguyễn Hồng T phải chấp hành hình phạt chung cho 02 tội là 03 năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 08/4/2018.

Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 174, khoản 1 Điều 321, điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 17, Điều 58, điểm a khoản 1 Điều 55 BLHS xử phạt Phạm Thị Thu H 02 năm 03 tháng tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, 06 tháng tù về tội “Đánh bạc”. Tổng hợp hình phạt buộc Nguyễn Hồng T phải chấp hành hình phạt chung cho 02 tội là 02 năm 09 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo đi thi hành án.

Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 174, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 17, Điều 58 BLHS xử phạt Đỗ Văn Q 02 năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 08/4/2018.

Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 174, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 54, Điều 65, Điều 17, Điều 58 BLHS xử phạt Ngô Văn T3 18 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 36 tháng.

Áp dụng khoản 1 Điều 321, điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 65, Điều 17, Điều 58 BLHS xử phạt Phạm thị H 06 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 12 tháng.

Ngoài ra cấp sơ thẩm còn quyết định về hình phạt bổ sung, biện pháp tư pháp, xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 22/11/2018, bị cáo Phạm Thị Thu H kháng cáo với nội dung xin giảm nhẹ hình phạt và xin hưởng án treo.

Ngày 24/11/2018, bị cáo Nguyễn Hồng T kháng cáo với nội dung xin giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo và khai nhận toàn bộ hành vi mà các bị cáo đã thực hiện đúng như nội dung vụ án đã được tóm tắt nêu trên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Tĩnh tại phiên tòa sau khi tóm tắt nội dung vụ án, đánh giá, phân tích tính chất mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo, các tình tiết giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo, xem xét kháng cáo của các bị cáo đã đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm áp dụng điểm c khoản 1 Điều 355,

điểm c khoản 1 Điều 357 BLTTHS 2015, xử chấp nhận kháng cáo giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

Các bị cáo không có tranh luận gì.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Kháng cáo của các bị cáo trong hạn luật định nên hợp lệ được chấp nhận xem xét theo thủ tục phúc thẩm

[2] Về nội dung:

Ngày 30/3/2018, tại xóm T, xã T2, TP.H, tỉnh Hà Tĩnh. Nguyễn Hồng T, Phạm Thị Thu H đã đánh bạc bằng hình thức lô, đề dựa trên kết quả xổ số kiến thiết Miền Bắc mở thưởng cùng ngày với Phạm Thị H được thua bằng tiền với tổng số tiền sử dụng để đánh bạc là 6.330.000đ. Và trong khoảng thời gian từ ngày 30/3/2018 đến ngày 01/4/2018 trên địa bàn thành phố H, bằng thủ đoạn gian dối “thời số” tức là tẩy sửa các số lô, đề đã đánh không trúng thưởng và chèn thêm số lô, đề có trúng thưởng Nguyễn Hồng T, Phạm Thị Thu H, Đỗ Văn Q, Ngô Văn T3 đã chiếm đoạt của người ghi lô đề. Cụ thể: Nguyễn Hồng T, Phạm Thị Thu H, Đỗ Văn Q tham gia 03 lần gồm chiếm đoạt của Phạm Thị H 25.000.000đ, chị Đặng Thị Hồng V 30.000.000đ, bà Nguyễn Thị N 50.000.000đ, tổng số tiền chiếm đoạt là 105.000.000đ. Do đó, cấp sơ thẩm xét xử bị cáo Nguyễn Hồng T và Phạm Thị Thu H về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo điểm c khoản 2 Điều 174 và tội “Đánh bạc” theo khoản 1 Điều 321 BLHS là có căn cứ.

[3] Xét kháng cáo của các bị cáo:

Bị cáo Nguyễn Hồng T và Phạm Thị Thu H trong vụ án này là người giữ vai trò chính, trực tiếp thực hiện hành vi phạm tội, thực hiện hành vi lừa đảo được giúp sức của các đối tượng khác, riêng bị cáo T là người khởi xướng.

Hành vi phạm tội của các bị cáo đã xâm phạm đến tài sản của người khác, gây mất trật tự trị an và an toàn xã hội, làm quần chúng nhân dân lên án và bất bình. Đây cũng là nguyên nhân phát sinh các loại tội phạm khác trong xã hội. Do vậy, phải xử phạt nghiêm minh, phù hợp với từng hành vi của các bị cáo, nhằm mục đích giáo dục các bị cáo và phòng ngừa tội phạm.

Bản thân bị cáo Nguyễn Hồng T đã từng bị xử phạt về hành vi đánh bạc nhưng không lấy đó làm bài học mà vẫn tiếp tục vi phạm pháp luật nên cần xét xử nghiêm. Bị cáo có các tình tiết giảm nhẹ TNHS: tự nguyện bồi thường cho gia đình bị hại, thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bố bị cáo là bệnh binh và được Nhà nước tặng thưởng Huân chương chiến sĩ vẻ vang hạng nhì, Huân chương chiến công hạng nhì, bị hại xin giảm nhẹ hình phạt. Do đó, cần xử phạt

bị cáo ở mức khởi điểm của khung hình phạt tại khoản 2 Điều 174 BLHS là phù hợp.

Bị cáo Phạm Thị Thu H sau khi phạm tội cũng đã bồi thường cho gia đình bị hại, bị cáo phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, có bố được tặng thưởng nhiều huân, huy chương kháng chiến, bị hại cũng có đơn xin giảm nhẹ hình phạt. Sau khi xét xử sơ thẩm, bị cáo cũng đã tự nguyện nộp tiền phạt. Do đó, cần áp dụng khoản 1 Điều 54 BLHS xử phạt bị cáo dưới mức thấp nhất của khung hình phạt đối với tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

[4] Về án phí: Do kháng cáo của các bị cáo Nguyễn Hồng T, Phạm Thị Thu H được chấp nhận nên các bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật từ khi hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355, điểm c khoản 1 Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự 2015.

Chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Nguyễn Hồng T, Phạm Thị Thu H.

Sửa bản án sơ thẩm số 67/2018/HS-ST ngày 12/11/2018 của Tòa án nhân dân thành phố H, tỉnh Hà Tĩnh.

Tuyên bố các bị cáo **Nguyễn Hồng T, Phạm Thị Thu H** phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và “Đánh bạc”

Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 174, khoản 1 Điều 321, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 17, Điều 58, điểm a khoản 1 Điều 55 BLHS xử phạt Nguyễn Hồng T 02 (hai) năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, 06 (sáu) tháng tù về tội “Đánh bạc”. Tổng hợp hình phạt cho cả 02 tội, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung là 02 năm 06 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị tạm giam (ngày 08/4/2018).

Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 174, khoản 1 Điều 321 điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g, khoản 1 Điều 52, Điều 17, Điều 58, khoản 1 Điều 54, điểm a khoản 1 Điều 55, BLHS xử phạt Phạm Thị Thu H 15 (mười lăm) tháng tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, 06 (sáu) tháng tù về tội “Đánh bạc”. Tổng hợp hình phạt cho cả 02 tội, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung là 21 (hai mươi một) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo đi thi hành án.

2. Áp dụng Điều 136 BLTTHS 2015, khoản 2 Điều 21, điểm h khoản 2 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án các bị cáo Nguyễn Hồng

T, Phạm Thị Thu H không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm do kháng cáo được chấp nhận.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Hà Tĩnh;
- Sở tư pháp tỉnh Hà Tĩnh;
- PV 27 – Công an tỉnh Hà Tĩnh
- TA, CA, VKS, THA sơ thẩm;
- Bị cáo kháng cáo;
- Lưu hồ sơ, THS;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Văn Lam